

QUAN NIỆM VỀ TÔN GIÁO VÀ THẦN LINH TRONG CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ DUY TÂN Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

NGUYỄN ĐỨC SỰ^(*)

Bước sang đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước ở Việt Nam đều mang một nội dung mới và hướng tới một mục tiêu mới. Từ phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Minh Tân đến công cuộc cải cách tiến tới kháng thuế ở Miền Trung đều mang danh hiệu là duy tân, nghĩa là đổi mới, đổi mới từ tư tưởng đến hành động, từ mục tiêu đến phương thức đấu tranh cho sự nghiệp cứu nước. Trong sự đổi mới tư duy và hành động như vậy bao hàm cả những đổi mới quan niệm về thần linh và vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Công cuộc vận động cứu nước lúc này lấy việc chấn hưng dân trí và nâng cao dân trí làm đầu. Muốn làm được điều đó phải có những thay đổi nhất định trong quan niệm về tôn giáo và thần linh để đem lại một sự giải phóng tư tưởng cần thiết có lợi cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, làm cho dân giàu, nước mạnh.

I. TÌNH HÌNH TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX DƯỚI CON MẮT CỦA CÁC SĨ PHU TÂN HỌC

Những quan niệm mới về tôn giáo tín ngưỡng trong các phong trào yêu nước và duy tân ở Việt Nam đầu thế kỉ XX xuất phát từ tình hình thực tế, mà trước hết là thực tế tôn giáo tín ngưỡng ở nước ta lúc bấy giờ. Các sĩ phu tân học đương thời đã có nhận

thức khá rõ ràng về tình hình tôn giáo tín ngưỡng của đất nước trong những năm đầu thế kỉ XX. Nếu ở thế kỉ XIX, triều đình nhà Nguyễn luôn đề cao mệnh trời và tạo điều kiện để cho các đền chùa, miếu mạo được xây cất, tu bổ rồi hương khói nghi ngút khắp nơi, thì bước sang đầu thế kỉ XX tình hình đó không mấy thuyên giảm mà còn có những diễn biến phức tạp. Nhận xét về tục thờ thần ở nước ta lúc đó, Phan Bội Châu đã viết: "Người Việt Nam mọi việc đều cầu ở thần, bảm ở thần, nghe ở thần, phẩm lễ thờ thần thật là trọng hậu, thật là cẩn thận. Nhưng trọng lắm thì đâm đuối nhiều, cẩn thận quá thì mê hoặc sâu... Thậm chí có khi đến cả những khối đá quái gở, gốc cây cổ thụ, rừng hoang mả vắng cũng liệt vào hạng thần cứu thế, được dân tôn sùng, lạy lức, ngày ngày cầu ở thần, bước bước trông vào thần"⁽¹⁾.

Đặc biệt trong bài "Tĩnh Quốc hồn ca", Phan Chu Trinh đã chỉ ra rằng:

"Người mình không tự cường, tự miễn
Chỉ mơ màng những chuyện hư vô
Đổ cho tại mả tại mồ
Đổ cho số phận, đổ cho tại thời
Việc gì cũng cầu Trời, khẩn Phật
Còn mình thì tính quất, toan quanh

* . PGS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Phan Bội Châu toàn tập. Tập 1, Nxb Thuận Hóa, 1990, tr. 156.

Thượng lương giá thú xuất hành
 Trăm điều giữ lấy ngũ hành khư khư
 Việc nhỏ nhen còn hư như thế
 Chuyện bằng trời bằng bể biết sao?
 Bỏ mình chẳng hỏi tí nào
 Hỏi ma, hỏi quỷ tin vào lỗ đầu!"⁽²⁾

Trong *Đại Nam Đăng cổ tùng báo* của Đông Kinh Nghĩa Thục số 34 ra ngày 14 tháng 11 năm 1907 còn miêu tả một cách chi tiết và tỉ mỉ một số khía cạnh của sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng ngay tại thành phố Hà Nội: "Trong các bà mối hàng của đẽ em, nhiều bà có những tật quái gở quá. Bà thì thực là tàn tiện ăn uống chất bốp quanh năm không dám mặc cái áo lành, bòn hết rể lại bòn con dâu mà có đồng nào thì phi vào chùa, cũng vào điện. Thậm chí đã có bà bán nhà đi để mà kéo bột cúng tiền vào đền. Ở gần Giám có một cái chùa, có bà sư hay bà cốt cũng không rõ. Vì ở chùa nhưng lại đồ đồng quan, có một nghề xem tiền định thực là tốt. Đám ấy thì những bà hóa chồng hay mê nhất. Có bà mất cơ mất nghiệp về xem tiền định. Dưới phía Bạch Mai thì lại có một chùa, các bà tảo của chồng đem vào cúng vái cũng nhiều. Trên gần trại Bách Thú lại có một cái điện, các bà cướp nợ nần của chị em mà cúng vào đây cũng nhiều. Ở Hàng Than thì có một ngôi chùa, bao nhiêu bà con đem trăm, đem ngàn vào chay tuần, đem cả trình tiết vào gửi cửa Phật cũng có"⁽³⁾.

Sự hao phí tiền tài sức lực của con người vào các sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng không chỉ diễn ra ở các thành phố lớn như Hà Nội mà còn trở thành những hủ tục của nông thôn. Cho nên sách *Quốc văn tập đọc* của Đông Kinh Nghĩa Thục có câu:

"Hãy xem việc lớn trong làng
 Tôi xin kể hết rõ ràng nghe chung

Việc tang tế lấy chồng lấy vợ
 Việc đăng khoa việc mở thọ diên
 Lớn thì ba bốn trăm nguyên (đồng bạc)
 Nhỏ ra cũng phải tốn tiền vài trăm
 Hơi một chút lỗi lầm sơ suất
 Trăm nghìn người bẻ bát quanh co
 Chủ thì lên mặt cổ to
 Khách thì kiếm được bữa no khen quàng
 Ấy là tục lệ làng như thế
 Trong một năm tốn phí đến đâu"⁽⁴⁾.

Trên đây là một số nét về tình hình tôn giáo tín ngưỡng, kể cả những mê tín hủ tục ở Việt Nam đầu thế kỉ XX mà các sĩ phu tân học đã phác họa. Những nét phác họa đó tuy chưa đầy đủ nhưng cũng chứng tỏ rằng tôn giáo tín ngưỡng và những mê tín hủ tục ở nước ta hồi này đang có chiều hướng gia tăng. Chiều hướng gia tăng đó diễn ra sau khi phong trào Cần Vương bị dập tắt và công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Thực dân Pháp ở Đông Dương bắt đầu. Lúc này, con đường cứu nước, mục tiêu của công cuộc cứu nước và tiền đồ của dân tộc còn chìm trong sương khói khiến cho các thế hệ những người yêu nước phải mò mẫm tìm đường. Các phong trào yêu nước và duy tân ở Việt Nam đầu thế kỉ XX đã thể hiện sự mò mẫm tìm đường cứu nước như vậy.

2. *Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hoá Thông tin, 1997, tr. 385.

3. *Tổng tập Văn học Việt Nam*. Nxb KHXH Hà Nội, 1997, tr. 197.

4. *Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hoá Thông tin, 1997, tr. 339.

II. NHẬN THỨC LẠI VAI TRÒ XÃ HỘI CỦA TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG, KHẲNG ĐỊNH NIỀM TIN VÀO SỨC MẠNH CỦA CON NGƯỜI

Để tìm đường cứu nước theo phương hướng mới, các sĩ phu tân học đã phải đổi mới tư duy và hành động cho phù hợp với yêu cầu của công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta lúc đương thời. Sự đổi mới tư duy đó lẽ dĩ nhiên bao hàm cả sự đổi mới quan niệm về mệnh trời, thần linh và linh hồn của con người sau khi chết. Bởi vì muốn cổ động nhân dân, đánh thức ở họ tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu cho tương lai tươi sáng của dân tộc thì phải làm cho họ tin vào sức mạnh của bản thân mình trong công cuộc cứu nước và dựng nước. Để có được niềm tin ấy cần phải có sự nhận thức lại những lực lượng siêu nhiên như Trời, Phật, Thần Thánh, linh hồn và chỉ rõ vai trò của chúng trong đời sống xã hội. Các sĩ phu tân học hồi này đã nhận thấy chính niềm tin vào mệnh trời, vào thần thánh mà quý là một sự cản trở đối với công cuộc cứu nước, nhất là đối với việc chấn hưng dân khí và nâng cao dân trí. Trong cuốn *Quốc dân độc bản* của Đông Kinh Nghĩa Thục có nói: "Ngày nay, chỉ riêng cái thuyết mệnh trời cũng đủ làm cho dân ta bị trở ngại. Mệnh là cái không đến mà lại đến. Người quân tử tri mệnh là biết không thể tránh được điều hại không thể hưởng được điều lợi nhưng cái đáng làm thì cứ làm. Cho nên tri mệnh là để khuyên lập chí, dầu biết rằng người không có chí thì khi gặp việc là cầu khẩn trời giúp cho, hòng việc lại đổ cho trời làm hại! Cho nên nước yếu thì không quy trách nhiệm cho chính sự tồi tệ, quốc dân bất tài mà lại nói vận số không phải do con người quyết định. Lụt lội, hạn hán thì không trách cứ là không có cái kế hoạch tiêu nước kịp thời,

không phòng ngừa đói kém, mà lại nói thiên tai không phải do người gây nên. Dịch bệnh lan tràn lại nói con người sống chết là do số mệnh, đề phòng cũng vô ích. Cùng làm một nghề, kẻ thành người bại, cũng lại nói họ gặp may, ta gặp rủi. Than ôi! Sao lại có những cách nói tự hại mình đến thế? Sức người không làm được mà đổ tội cho trời, trời có nhận tội cho đâu?"⁽⁵⁾

Như vậy là tình trạng tốt xấu của xã hội và sự thành bại của con người là do chính bản thân con người làm ra và chịu trách nhiệm. Con người không thể đổ lỗi cho Trời, Phật, Thần Thánh. Phan Bội Châu cũng nói rõ điều đó. Ông chỉ ra rằng: "Mệnh hệ của dân tộc Việt Nam xưa nay đều bị khống chế ở trời, ở thần. Đã bị khống chế ở trời ở thần thì tất phải có lòng trông mong. Trông mong mà được như nguyên thì chả nói làm gì, nhưng đến khi hi vọng đã cùng rồi, do đó mà sinh ra phỉ báng oán trách, trời đất tội gì quý thân tội gì, bỏ cái trách nhiệm của người sống mà đi cầu ở nơi mù mù mịt mịt, sao mà sai lầm đến thế"⁽⁶⁾.

Chính vì Phan Bội Châu đề cao cuộc sống trên trần gian của con người, cho nên ông nhấn mạnh rằng con người phải quan tâm đến cuộc sống và sự nghiệp hiện thực của mình chứ không phải quan tâm đến cái chết và cuộc sống của linh hồn sau cái chết. Ông viết: "Người Việt Nam chúng ta không trọng thể sống, chỉ trọng xác chết. Cho nên lúc sống ăn không dám ăn, mặc không dám mặc, đến khi chết rồi mới làm quan sang, quách đẹp, tế lễ tam sinh, chín bò, chẳng qua là hư văn lờ loẹt, chả có ích gì. Ta thì cho người ta lúc sống phải xem thân xác ấy

5. *Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hoá Thông tin, 1997, tr. 173.

6. *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 1, Nxb Thuận Hóa 1990, tr. 161.

như vàng ngọc, phải làm sao cho thân thể sống ấy thành anh hùng hào kiệt, đến khi chết rồi thì chôn đi cũng được, vứt đi cũng được, đốt đi cũng được không nên hỏi đến làm gì nữa, như thế chẳng tốt hơn sao?"⁽⁷⁾.

Phan Bội Châu và các sĩ phu tân học ở nước ta lúc này không chỉ nhấn mạnh vào ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo tín ngưỡng và mọi thứ mê tín hủ tục đối với sự phát triển của phong trào cách mạng, mà còn vạch trần âm mưu của thực dân Pháp hòng lợi dụng tôn giáo để thống trị dân ta. Trong tác phẩm *Thiên hô! Đế hô!* Phan Bội Châu đã vạch rõ: "Chính phủ Pháp nhận thấy dùng vũ lực chinh phục không phải là thượng sách nên mới mượn tôn giáo, thờ di tượng Giêxu - Crit và cây thánh giá làm trò rối, để ngấm thi hành chính sách tiêu diệt nòi giống người ta. Đó là phép màu nhiệm nhất của nước Pháp chinh phục Việt Nam lại được nhà tôn giáo giúp cho thành công"⁽⁸⁾.

Phan Bội Châu còn nói thêm: "Nay người Pháp bảo vệ ta, các chùa chiền ở hương thôn đều phát tiền bạc cho để sửa sang lại cả. Chúng làm như thế, là rất khôn khéo và hiểm độc"⁽⁹⁾.

Nhưng các sĩ phu tân học không chỉ bóc trần sự lợi dụng tôn giáo của thực dân Pháp mà còn phê phán cả bọn đầu cơ tôn giáo, bọn buôn thần, bán thánh để trục lợi. Bằng một giọng gay gắt, Phan Bội Châu đã đả kích công kích những tệ mê tín hủ tục và bọn lợi dụng mê tín hủ tục đương thời: "Lại có hạng tướng số bói toán, vận hạn niên mệnh đoán nhãng, nói nhít. Như nói: Năm nay gặp hạn Bạch hổ, gặp mệnh Tang môn. Phải cẩn thận đi xa, phải đề phòng lợi nước. Những tụi ngu tục lưu manh không nghề không nghiệp mượn đấy kiếm ăn dắt người khác xuống ngục tối. Những bọn ngu ngốc không biết gì, cho đó là lời nói của thần, lo

âu, sợ sệt, một bước không dám đi ra khỏi cửa, thì còn nói gì đến việc đi Nam Hồ, Bắc Việt, đây là thủ đoạn làm ngu người ta, độc ác thứ nhất"⁽¹⁰⁾.

Trong khi phê phán ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo và của mọi thứ mê tín hủ tục, phê phán sự lợi dụng tôn giáo của thực dân Pháp nhằm chống lại cách mạng, các sĩ phu tân học đã hết sức đề cao vai trò của con người đối với sự tiến bộ xã hội, nhất là đối với công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Họ kêu gọi con người phải quan tâm đến cuộc sống hiện thực và phải phấn đấu để tạo ra hạnh phúc cho mình ngay trên trần gian, chứ không thụ động chờ mong một thứ hạnh phúc do Trời, Phật, Thần Thánh ban cho. Vì thế con người cần phải tin vào chính sức mạnh và khả năng của mình. Trong sách *Quốc văn độc bản* của Đông Kinh Nghĩa Thục có viết: "Biết giữ vệ sinh thì tuổi thọ trước kia thấp, ngày nay sẽ cao. Có kế hoạch phòng đói kém thì ngày trước lụt lội hạn hán nhiều, ngày nay ít. Đâu phải tại Trời và không thể thắng được Trời?"⁽¹¹⁾.

Các sĩ phu của Đông Kinh Nghĩa Thục đã chỉ rõ hạnh phúc của con người là do chính con người làm ra chứ không phải do cầu Trời, cầu Thần, cầu Phật mà có được:

"Lại chỉ cứ kêu cầu Thần, Phật,
Cốt với đồng tiền mất không đâu,
Phúc mình chẳng biết tự cầu,

Người không cứu được Trời nào giúp cho"⁽¹²⁾.

7. Sđd, tr. 160.

8. *Thiên hô! Đế hô!* Nxb KHXH, Hà Nội, 1978, tr. 57, 58.

9. *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 1, Nxb Thuận Hóa, 1990, tr. 155.

10. Sđd, tr. 157.

11. *Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hoá Thông tin, 1997, tr. 173.

12. Sđd, tr. 330.

Theo Phan Bội Châu, con người cần phải có ý chí, kiến thức và hướng tới hoạt động thực tiễn. Và trong thực tiễn con người tin vào khả năng, sức mạnh của chính bản thân mình có thể dời núi, lấp biển và làm biến đổi được hoàn cảnh xã hội. Phan Bội Châu đã nói: "Đội trời, đạp đất, làm thân đứng giữa vòng trời đất, dời núi lấp biển, tin rằng tự ta có thể chuyển dời"⁽¹³⁾. Ông còn khẳng định:

"Thương ôi! muôn sự tại người

Chữ *đông* ai dám ngăn dời chữ *tâm*"⁽¹⁴⁾.

Vì tin vào sức mạnh con người có thể xoay chuyển được thời thế, tin vào sức mạnh của nhân dân có thể giải phóng dân tộc và làm cho nước giàu, dân mạnh, các sĩ phu tân học nước ta hồi này rất đề cao vai trò của con người. Khi đề cao vai trò của con người, dĩ nhiên vai trò của ông Trời, của thần thánh bị hạ thấp và bị coi thường, thậm chí bị gạt ra bên lề để nhường chỗ cho sự tiến hóa của chính bản thân con người. Đối với các sĩ phu tân học, sự tồn tại của ông Trời và thần thánh còn chưa bị bác bỏ một cách triệt để về lí luận. Đôi khi họ nhắc đến ông Trời có ý chí, nhắc đến cái thiêng của thần thánh. Nhưng họ quan niệm rằng mệnh trời, số trời và sự linh thiêng của Thần Thánh không chi phối và quyết định sự vận hành của xã hội và không làm thay đổi hoạt động có mục đích của con người. Chính con người là trung tâm của lịch sử. Cho nên tương lai của dân tộc ta là do nhân dân ta quyết định. Ở đây ý chí của Thần Thánh chỉ đóng vai trò thứ yếu có tác dụng hỗ trợ cho hành động của con người. Cho nên Phan Bội Châu khẳng định: "Trời cũng không bao giờ có ý riêng cả", "sao các người không nghĩ lòng mình tức là Thần"⁽¹⁵⁾ và "yêu tổ quốc yêu đồng bào, cứu nhân dân ghét kẻ thù, các người mà biết giữ được tấm lòng ấy thì các người đã là Thần rồi, cần gì phải cầu

Thần ở ngoài đến"⁽¹⁶⁾. Còn Phan Chu Trinh thì ra sức nhấn mạnh:

"Dân ta là Thánh là Thần

Bền gan chắc dạ quý thân cũng kiềng

Khuyên khắp cả thị thành thôn xã

Đừng tin càn tin chạ mà bậy

Thử xem các nước Đông Tây

Xưa nay trời giúp loài ngày bao giờ"⁽¹⁷⁾.

Tóm lại, các sĩ phu tân học hạ thấp vai trò của Trời, Phật, Thần Thánh là để đặt niềm tin vào con người và hi vọng con người hiện thực có tri thức và ý chí có thể giải quyết được những vấn đề lớn lao như độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do đó, quan niệm của họ về vai trò xã hội của Trời, Phật, thần thánh đã góp phần giải phóng tư tưởng của quần chúng trong các phong trào yêu nước và duy tân ở nước ta lúc đương thời. Chính quan niệm đó của họ đã dẫn đến những hoạt động thực tiễn của quần chúng nhằm hạn chế và gỡ bỏ những thần điện và nghi thức tế lễ có tính chất tôn giáo. Trong cuốn: *Cách mạng Cận đại Việt Nam* tập V của Trần Huy Liệu có chép về những hoạt động thực tiễn ấy của quần chúng ở tỉnh Quảng Nam trong cuộc biểu tình chống thuế bùng lên dữ dội vào năm 1908: "Có một nhà giàu ở làng Bích Trâm phủ Điện Bàn mở đám cúng "tiễn tạ" (đám cúng lớn kéo dài hai, ba ngày đêm). Đêm thứ hai, cỗ bàn, vàng mã hình nhân đang bày la liệt trong nhà, ngoài sân; thầy phù thủy đang khua trống gõ mõ, đọc sớ

13. Phan Bội Châu toàn tập. Tập 2, Nxb Thuận Hóa, 1990, tr. 155.

14. Sđd, tr. 335.

15. Sđd, tập 1, tr. 156.

16. Sđd, tập 1, tr. 156.

17. *Đông Kinh Nghĩa Thực và Phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hoá Thông tin, 1997, tr. 385.

tấu thì một số thanh niên vào ngăn lại. Một thanh niên đứng lên diễn thuyết là không nên mê tín. Họ bắt ép chủ nhà dẹp cỗ bàn, đuổi thầy cúng đi, đám cúng tan rã. Để bài trừ mê tín, cúng lễ có nơi như ở Hà Tĩnh, người ta nhân lúc đêm tối lên vào đền chùa đem tượng Phật và bài vị quảng xuống ao, xuống ruộng.

Một ngày mùa xuân năm 1907, ở văn chỉ huyện Diên Phước (Điện Bàn bây giờ) có tế "xuân đình" là tế thánh hàng năm. Một số thân sĩ cũng đến dự lễ mà sự thực họ đến để phá lễ. Trong tám, chín người tiến sĩ có, cử nhân có, tú tài có, thí sinh có đều mặc âu phục chững chạc. Lúc hành lễ họ chỉ vái dài ba cái mà không lạy. Sau khi ăn uống, một người trong bọn họ đứng lên diễn thuyết, công kích việc mỗi năm hội họp hai lần ở miếu đức Khổng mà cũng chỉ xôi thịt như ở làng. Rồi họ yêu cầu tất cả, trong đó có tổng đốc, đại khoa, các vị lão thành, nên sửa đổi điều lệ của văn chỉ, giảm bớt cúng tế để lấy tiền mở trường học, thư viện là những việc có ích cho con em hàng huyện. Được mọi người đồng ý nên họ lấy giấy mực viết luôn một bản điều ước mới. Nhưng sau đó bọn quan lại ở tỉnh tư giấy cho viên chánh hội văn chỉ, bảo khai lại tổ tường việc đó, rồi nắm lấy làm một bằng chứng dự trữ. Năm 1908 những thân sĩ đi "phá lễ" trước đây bị bắt trong việc xin xôi. Khi bị kết án, ngoài "tội chính" ra còn có một "tội phụ" nữa là "âu trang nhập văn chỉ, bất kính tiên thánh" nghĩa là mặc âu phục vào văn chỉ, thế là không kính tiên thánh⁽¹⁸⁾.

Những diễn biến thực tế của phong trào bài trừ mê tín hủ tục được miêu tả trong các đoạn trích trên đây chứng tỏ rằng những quan niệm mới về thần linh và sự tín ngưỡng thần linh không chỉ dừng lại ở tư tưởng của các sĩ phu tân học mà còn phổ biến rộng rãi trong quần chúng và trở thành hoạt động thực tiễn của quần chúng.

III. QUAN NIỆM VỀ TÔN GIÁO, VỀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG VÀ CHỦ TRƯỞNG ĐOÀN KẾT LƯƠNG GIÁO ĐỂ CỨU NƯỚC

Các sĩ phu tân học Việt Nam đầu thế kỉ XX không những có quan điểm mới về thần linh và tín ngưỡng thần linh, mà họ đã bước đầu tiếp xúc với những khái niệm mới mẻ chưa từng thấy trong các sách Hán văn của nước ta ở thế kỉ XIX và ở cả những thế kỉ trước. Đó là khái niệm tôn giáo, đa thần giáo, nhất thần giáo. Trong sách *Quốc văn độc bản* của Đông Kinh Nghĩa Thục, ở mục 55 nhan đề là *Tôn giáo* có viết: "Xưa kia, phàm thiên thần, địa kì, nhân quỷ đều được thờ cúng cả. Có cúng tế, cầu đảo. Đó là đa thần giáo. Đời Xuân Thu, Khổng Tử dạy học trò đạo tu thân, minh đức, đời sau gọi là Nho giáo. Nhưng Khổng Tử không sáng lập ra tôn giáo nào cả, chỉ theo cách đời trước truyền lại mà tu thân minh đức. Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni ở Ấn Độ sáng lập, thời Đông Hán mới truyền vào Trung Quốc. Người theo đạo này thờ Phật, tuy nhiên không bỏ những tế lễ khác. Đặc biệt nhiều là những người tin vào thuyết thiên đường địa ngục.

Tóm lại thời cổ có đa thần giáo, từ Xuân Thu trở về sau có Nho giáo, Phật giáo và Cựu giáo. Hồi giáo là do Mohamét ở Ả Rập sáng lập, đến đời Đường mới truyền vào Trung Quốc. Thiên Chúa giáo là do Giêxu - Corít sáng lập, đời Minh truyền vào Trung Quốc. Hai tôn giáo này đều là nhất thần giáo. Những người tin theo đều không thờ ai khác nữa, chỉ thờ Thượng Đế mà thôi. Đó là một biến đổi lớn về tôn giáo. Nước ta, Nho giáo và Phật giáo thịnh hành, Thiên Chúa giáo có khoảng mười vạn người theo, còn

18. *Cách mạng Cận đại Việt Nam*. Tập 1, Ban Nghiên cứu văn sử địa xuất bản, 1955, tr. 64-65.

Hồi giáo thì không có tín đồ⁽¹⁹⁾.

Trên đây là những kiến giải thông thường và phổ cập, chưa phải là những luận điểm khoa học chính xác về tôn giáo và các vấn đề của tôn giáo. Những kiến giải đó chưa vạch ra nguồn gốc, bản chất và chức năng xã hội của tôn giáo. Tuy nhiên chúng ta cũng thấy rằng ở đây lần đầu tiên thuật ngữ tôn giáo được sử dụng như một khái niệm để chỉ các tôn giáo lớn trên thế giới đã từng tồn tại ở nước ta và ở Trung Quốc. Hơn nữa, khái niệm đa thần giáo và nhất thần giáo đã được các nhà triết học và tôn giáo Châu Âu sử dụng từ thế kỉ XVIII và XIX. Ph. Ăngghen đã chỉ rõ sự tiến hóa của tôn giáo từ tôn giáo tự nhiên đến tôn giáo đa thần, rồi đến tôn giáo nhất thần. Đầu thế kỉ XX, các sĩ phu tân học Việt Nam đã dùng những khái niệm đa thần giáo và nhất thần giáo để chỉ sự tiến hóa của tôn giáo và coi đó là sự biến đổi lớn về tôn giáo. Cần nói rằng do chịu ảnh hưởng của phương Tây nên tư tưởng của họ đã có những nét mới và những bước tiến căn bản so với các thế kỉ trước.

Điều đáng lưu ý, khi nói đến vấn đề tôn giáo các sĩ phu tân học ở nước ta đã đề xuất chủ trương "tự do tín ngưỡng" và chỉ rõ chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Trong sách *Quốc văn độc bản* của Đông Kinh Nghĩa Thục có viết: "Các nước văn minh không cấm dân tin các tôn giáo khác, gọi là tự do tín ngưỡng. Ngày nay chúng ta được theo tôn giáo nào mình thích mà thôi. Nhưng phạm theo tôn giáo nào cũng cần biết rõ tôn chỉ tôn giáo đó, rồi hết sức thực hành. Còn như chỉ thấp hương lễ bái thì không thể nói là tin theo được"⁽²⁰⁾.

Phan Bội Châu đã nói rõ hơn về chủ trương tự do tín ngưỡng. Ông viết: "Nay bàn về tôn giáo, ai theo đạo Phật thì tôn Phật, ai theo đạo Da - Tô thì tôn Da - Tô, ai theo

đạo Khổng thì tôn Khổng Tử, các thuyết rối bong không biết chiết trung vào đâu cả... Tuy thế, người ta đều có quyền tự do tín ngưỡng. Ai muốn theo đạo Khổng thì cứ theo đạo Khổng, ai muốn theo đạo Phật thì cứ theo đạo Phật, ai muốn theo đạo Da - Tô thì cứ theo đạo Da - Tô. Nếu đạo ấy đúng đắn thì can gì mà phải ruồng bỏ một cách nghiêm khắc. Nếu đạo ấy mà xằng bậy thì dù người ta có bị mê hoặc một thời chẳng nữa, lâu rồi cũng phải đến sinh lòng chán bỏ mà thôi, cần gì phải chê bai cừ địch lẫn nhau"⁽²¹⁾.

Ở thế kỉ XIX, Nguyễn Trường Tộ đã nói tới tự do tín ngưỡng nhưng không có sự giải thích rõ ràng về điều đó. Đến đầu thế kỉ XX, một loạt các sĩ phu yêu nước và tân học như Phan Bội Châu và các sĩ phu của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục đã đề cập đến vấn đề tự do tín ngưỡng và có sự lí giải nhất định về vấn đề đó, dù rằng còn đơn giản và sơ lược. Tuy nhiên, vấn đề tự do tín ngưỡng đã được các nhà tư tưởng của Châu Âu đề xuất từ thế kỉ XVII. John Locke (1632 - 1704), một trong số các nhà tư tưởng đó, đã chỉ rõ bản chất của tự do tín ngưỡng cùng với những căn cứ về mặt chính trị, xã hội và niềm tin của tự do tín ngưỡng. Các sĩ phu tân học Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của các nhà tư tưởng Châu Âu đó. Nhưng cái mới trong chủ trương "tự do tín ngưỡng" của các sĩ phu này là ở chỗ, họ coi đây là một sự đóng góp cho yêu cầu đoàn kết các tầng lớp nhân dân, trong đó có đoàn kết tín đồ các tôn giáo khác nhau

19. *Đông Kinh Nghĩa Thục và Phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hoá Thông tin, 1997, tr. 207-208.

20. *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 1, Nxb Thuận Hóa, 1990, tr. 62, 164.

21. *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 1, Nxb Thuận Hóa, 1990, tr. 162, 164.

trong sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc. Phan Bội Châu là người rất quan tâm đến sự đoàn kết này. Ông viết: "Ta trông mong các nhà tôn giáo, không nên bàn tôn giáo nào phải hay trái mà chỉ nên bàn nước mình mạnh hay yếu, không nên bàn tôn giáo nào giống nhau, khác nhau, mà nên bàn nước còn hay nước mất. Hãy một lòng yêu nước, yêu nòi, liều chết chống giặc. Hãy một lòng vì nghĩa. Nếu được như thế thì không cần phải bàn là theo đạo Khổng, đạo Phật hay đạo Da - Tò. Về sau nếu muốn theo đạo nào thì cũng còn nòi giống để mà theo. Nếu không thế thì nòi mất rồi, giống tuyệt rồi lấy đâu mà tôn sùng tôn giáo nào nữa"⁽²²⁾.

Phan Bội Châu cho rằng tín đồ các tôn giáo cũng cần phải đứng dậy sát cánh với các lực lượng xã hội khác để chung sức chung lòng diệt giặc cứu nước:

"Từ nhà thế tộc quan cao,
 Từ người thân sĩ phú hào bình dân
 Khắp đến kẻ hành nhân, tiểu tốt,
 Cả giáo đồ khắp suốt mọi nơi,
 Đội trời đạp đất ở đời,
 Sinh ra Nam Quốc là người trượng phu
 Ai cũng bụng phục thù báo quốc"⁽²³⁾.

Khẩu hiệu tự do tín ngưỡng được đề xuất ra ở Châu Âu vào các thế kỉ XVII, XVIII là nhằm để giải phóng con người khỏi sự thống trị của Giáo hội không những về mặt tâm linh mà cả về mặt chính trị và văn hoá. Cho nên khẩu hiệu đó thường gắn với yêu cầu tách Nhà thờ khỏi Nhà nước và tách trường học khỏi Nhà thờ. Còn ở Việt Nam, trong những năm đầu thế kỉ XX, vấn đề tự do tín ngưỡng được đặt ra nhằm phục vụ cho sự đoàn kết toàn dân, trong đó có sự

đoàn kết Lương Giáo, trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc. Tự do tín ngưỡng và đoàn kết Lương Giáo không chỉ là một chủ trương đúng đắn của các phong trào yêu nước và duy tân ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. Cho đến nay chủ trương đó vẫn luôn luôn phù hợp với sự phát triển của cách mạng và tiến bộ xã hội ở nước ta. Nó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta phát triển trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin và lập trường của giai cấp vô sản cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Thực dân và phong kiến thực hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết"⁽²⁴⁾.

Nhìn lại những quan niệm về tôn giáo và thần linh trong các phong trào yêu nước và duy tân ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, chúng ta thấy rằng, tuy còn thô sơ nhưng chúng có những nét mới rất căn bản, khác hẳn với hệ tư tưởng phong kiến thời Nguyễn và phù hợp với yêu cầu của Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này. Những nét mới trong quan niệm về tôn giáo của các sĩ phu tân học Việt Nam đương thời đã tạo ra một bước ngoặt trên tiến trình nhận thức về tôn giáo của dân tộc ta ở một giai đoạn lịch sử đặc biệt, giai đoạn từ phong trào Cần Vương chuyển sang những phong trào yêu nước và duy tân thuộc hệ tư tưởng tư sản.

22. Sđd, tr. 164-165.

23. *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn học, 1976, tr. 65.

24. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 121-123.